

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ [B Tư cách lưu trú](#)

Khi ở lại Nhật, quý vị cần phải có tư cách lưu trú. Tư cách lưu trú có 28 loại và mỗi loại có quy định khác nhau về phạm vi hoạt động và thời gian lưu trú tại Nhật.

1 Xác nhận tư cách lưu trú

Khi quý vị nhập cảnh và ở lại Nhật thì tư cách lưu trú và kỳ hạn lưu trú được xác định đối với quý vị tùy theo mục đích nhập cảnh. Loại tư cách lưu trú và kỳ hạn lưu trú được ghi rõ vào hộ chiếu nên quý vị có thể xem lại hộ chiếu của mình.

- 1 Vào ngày 11 tháng 3 năm 2005
- 2 Với mục đích thăm Nhật trong một thời gian ngắn như du lịch hay thăm bà con sống tại Nhật
- 3 Thời hạn lưu trú Được phép ở lại 90 ngày
- 4 Nhập cảnh ở ga hàng không thứ 2 của sân bay Narita

The image shows two Japanese immigration stamps. The left stamp is a yellow 'LANDING PERMISSION' stamp with the date 11 MAR 2005 and duration 90 days. The right stamp is a blue 'TEMPORARY VISITOR' stamp with the date 11 MAR 2005 and duration 90 days. Both stamps have numbered callouts 1-4 pointing to specific fields: 1 points to the date, 2 points to the status, 3 points to the duration, and 4 points to the airport code (NARITA).

Nguồn: “Bản hướng dẫn về việc quản lý xuất nhập cảnh” do Sở quản lý nhập cảnh, Bộ Tư pháp phát hành


Tư cách lưu trú gồm 28 loại được phép ở lại và cấm những hoạt động bên ngoài khác.



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

 [B Tư cách lưu trú](#)

(1) Tư cách lưu trú có thể làm việc được (18 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Ngoại giao	Hoạt động của những đối tượng như thành viên ngoại giao đoàn hay cơ quan lãnh sự của chính phủ nước ngoài mà chính phủ Nhật tiếp nhận, người có đặc quyền và được miễn trừ như đại diện ngoại giao theo điều ước hay hiệp định quốc tế, và các thành viên gia đình của những người nêu trên. <<Đại sứ, công sứ, tổng lãnh sự, các thành viên đoàn đại biểu của chính phủ nước ngoài... và gia đình của họ>>	Thời gian làm "hoạt động ngoại giao"	<input type="radio"/>
Công vụ	Hoạt động của những đối tượng như người làm công vụ của chính phủ nước ngoài hay cơ quan quốc tế mà chính phủ Nhật đã công nhận và các thành viên gia đình của những người nêu trên (ngoại trừ hoạt động nêu ở mục "Ngoại giao"). <<nhân viên đại sứ quán, lãnh sự quán của chính phủ nước ngoài, những người được các cơ quan quốc tế phái cử đi làm công vụ... và gia đình của họ>>	5 năm, 3 năm, 1 năm, 30 ngày hoặc 15 ngày	<input type="radio"/>
Giảng dạy	Hoạt động nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu hay giảng dạy ở các trường đại học, cơ quan tương đương với đại học hay trường cao đẳng tại Nhật <<Giáo sư đại học.v.v...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Nghệ thuật	Hoạt động âm nhạc, mỹ thuật, văn học và những hoạt động nghệ thuật có thu nhập khác (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục "Hoạt động giải trí") <<Họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Tôn giáo	Truyền giáo và những hoạt động tôn giáo khác của nhà tôn giáo mà đoàn thể tôn giáo của nước ngoài đã gửi qua Nhật <<nhà truyền giáo do các đoàn thể tôn giáo nước ngoài gửi qua Nhật...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Truyền thông	Phỏng vấn và những hoạt động truyền thông tiến hành theo hợp đồng với cơ quan truyền thông báo chí nước ngoài. <<Phóng viên và nhân viên quay camera của cơ quan truyền thông nước ngoài...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ [B Tư cách lưu trú](#)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Nghề chuyên môn có trình độ cao	<p>Số 1 Người có năng lực chuyên môn trình độ cao, phù hợp với những tiêu chuẩn do Bộ Tư pháp quy định, được xem là có những hoạt động đóng góp cho việc nghiên cứu học thuật hoặc cho sự phát triển kinh tế của nước Nhật qua những hoạt động như một trong những hoạt động từ a đến c dưới đây:</p> <p>a Hoạt động giáo dục, nghiên cứu hoặc hướng dẫn nghiên cứu, dựa trên hợp đồng với các cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định, hoặc hoạt động kết hợp, có liên quan đến các hoạt động này do chính bản thân mình điều hành công việc, hoặc hoạt động giáo dục, nghiên cứu hoặc hướng dẫn nghiên cứu dựa trên hợp đồng với các cơ quan công hoặc tư của Nhật khác ngoài cơ quan nói trên.</p> <p>b Hoạt động theo nghiệp vụ yêu cầu kỹ thuật hoặc kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên hay khoa học nhân văn dựa trên hợp đồng với cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định, hoặc những hoạt động kết hợp, liên quan đến các hoạt động này do chính bản thân mình điều hành.</p> <p>c Hoạt động thương mại, kinh doanh, hoặc hoạt động quản trị kinh doanh này tại những cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản do Bộ trưởng Bộ tư pháp chỉ định.</p>	Số 1 là 5 năm, Số 2 là vô thời hạn	○
	<p>Số 2 Người tiến hành những hoạt động đã được nêu ra ở số 1, đồng thời việc lưu trú tại Nhật đem lại lợi ích cho nước Nhật và tiến hành những hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tư pháp như sau:</p> <p>a Hoạt động giáo dục, nghiên cứu hoặc hướng dẫn nghiên cứu, dựa trên hợp đồng với cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản.</p> <p>b Hoạt động theo nghiệp vụ yêu cầu kỹ thuật hoặc kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên hay khoa học nhân văn, dựa trên hợp đồng với cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản.</p> <p>c Hoạt động thương mại, kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh tại những cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản</p> <p>d Hoạt động kết hợp với một trong những hoạt động từ a đến c của số 2 và được nêu lên ở mục Giảng dạy, Nghệ thuật, Tôn giáo, Truyền thông, Luật pháp/Kế toán, Y tế, Giáo dục, Kỹ thuật/ Tri thức nhân văn/ Nghiệp vụ quốc tế, Hoạt động giải trí, Kỹ năng (Ngoại trừ những hoạt động có liên quan đến một trong những hoạt động từ a đến c của số 2) <<Nhân sự trình độ cao theo chế độ point>></p>		



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ [B Tư cách lưu trú](#)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Kinh doanh/ Quản lý	Hoạt động kinh doanh, thương mại, hoặc quản trị những công việc kinh doanh này (ngoại trừ những hoạt động kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh không được luật pháp cho phép nếu không đủ điều kiện như nêu ở mục “Luật pháp, kế toán”) <<Nhà kinh doanh và người quản trị kinh doanh của các công ty xí nghiệp>>	5 năm, 3 năm, 1 năm, 4 tháng hoặc 3 tháng	
Luật pháp/ Kế toán	Hoạt động liên quan đến luật pháp hay kế toán của luật sư chuyên luật nước ngoài, chuyên viên kế toán có bằng nước ngoài và người có bằng hợp pháp. <<Luật sư và chuyên viên kế toán được công nhận hành nghề chính thức....>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Y tế	Hoạt động y tế do bác sĩ, bác sĩ nha khoa và người có bằng hợp pháp. <<Bác sĩ, bác sĩ nha khoa, y tá>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Nghiên cứu	Hoạt động nghiên cứu theo hợp đồng với các cơ quan công hoặc tư tại Nhật (ngoại trừ hoạt động nêu ở mục “Giáo sư”). << Nhà nghiên cứu của các cơ quan có liên quan đến chính phủ hoặc các công ty tư nhân...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Giáo dục	Giáo dục ngôn ngữ hay những hoạt động giáo dục khác ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường hỗ trợ đặc biệt, trường chuyên nghiệp và các loại trường khác hoặc các cơ quan giáo dục tương đương với các trường nêu trên về mặt thiết bị và cơ cấu tại Nhật. <<Giảng viên ngôn ngữ dạy ở các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông ...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Kỹ thuật/ Kiến thức nhân văn/ Nghệ thuật Quốc tế	Hoạt động làm việc cần kỹ thuật hay kiến thức thuộc về ngành khoa học, ngành kỹ sư và những lĩnh vực liên quan đến khoa học tự nhiên, hoặc hoạt động làm việc cần kiến thức thuộc về luật, kinh tế học, xã hội học và những lĩnh vực liên quan đến khoa học nhân văn, hoặc cần tư tưởng và cảm thụ dựa trên cơ sở văn hoá nước ngoài, theo hợp đồng với các cơ quan công hoặc tư tại Nhật (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Giảng dạy”, “Nghệ thuật”, “Truyền thông”, “Kinh doanh/ Quản lý”, “Luật pháp/ Kế toán”, “Y tế”, “Nghiên cứu”, “Giáo dục”, “Chuyên công tác” và “Hoạt động giải trí”). <<Kỹ sư cơ khí v.v., Thông dịch, Nhà thiết kế thời trang, giáo viên ngôn ngữ của công ty tư nhân, nhân viên ngành marketing v.v.>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
		5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>

Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ [B Tư cách lưu trú](#)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Chuyển công tác	Nhân viên đã làm cho văn phòng đại diện ở nước ngoài của cơ quan công lập/ tư củadân lập Nhật gồm cơ sở chính, chi nhánh và văn phòng khác đi chuyển công tác ở văn phòng khác nằm ở trong nước Nhật để làm hoạt động nêu ở mục “Kỹ thuật/ Kiến thức nhân văn/ Nghiệp vụ quốc tế”. <<Nhân viên chuyển công tác từ văn phòng nước ngoài>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Hộ lý (chăm sóc người già)	Hoạt động chăm sóc người già hoặc hướng dẫn chăm sóc người già được tiến hành bởi những người có bằng phúc lợi xã hội về hộ lý, dựa trên hợp đồng với các cơ quan công hoặc tư của Nhật Bản	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>
Hoạt động giải trí	Hoạt động giải trí như diễn kịch, biểu diễn văn nghệ và âm nhạc, thể thao và những hoạt động nghệ nhân khác (ngoại trừ những hoạt động nêu ở mục “Kinh doanh/ Quản lý”). <<Diễn viên, ca sỹ, người khiêu vũ, vận động viên thể thao chuyên nghiệp>>	3 năm, 1 năm, 6 tháng, 3 tháng hoặc 15 ngày	<input type="radio"/>
Kỹ năng	Hoạt động làm việc cần kỹ năng năng khiếu thuộc về một số lĩnh vực đặc biệt trong ngành sản xuất theo hợp đồng với cơ quan công lập/dân lập Nhật. <<Đầu bếp làm món ăn nước ngoài, huấn luyện viên thể thao, người điều khiển máy bay, thợ gia công trang sức vàng bạc...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 3 tháng	<input type="radio"/>



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ B Tư cách lưu trú

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Thực tập kỹ năng	<p>Số 1</p> <p>a. Hoạt động học tập kỹ năng và làm những nghiệp vụ liên quan đến kỹ năng dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình xí nghiệp đơn nhất số 1)</p> <p>b. Hoạt động học tập kỹ năng và làm những nghiệp vụ liên quan đến kỹ năng dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình nghiệp đoàn quản lý số 1)</p>	Số 1	○
	<p>Số 2</p> <p>a. Hoạt động làm những nghiệp vụ yêu cầu những kỹ năng v.v. dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình xí nghiệp đơn nhất số 2)</p> <p>b. Hoạt động làm những nghiệp vụ yêu cầu những kỹ năng v.v. dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình nghiệp đoàn quản lý số 2.)</p>	Số 2	
	<p>Số 3</p> <p>a. Hoạt động làm những nghiệp vụ yêu cầu những kỹ năng v.v. dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình xí nghiệp đơn nhất số 3)</p> <p>b. Hoạt động làm những nghiệp vụ yêu cầu những kỹ năng v.v. dựa trên kế hoạch thực tập kỹ năng đã được cho phép theo luật thực tập kỹ năng (chỉ giới hạn ở những nghiệp vụ có liên quan đến thực tập kỹ năng loại hình nghiệp đoàn quản lý số 3.)</p>	Số 3	

(2) Tư cách lưu trú không thể làm việc (5 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Hoạt động văn hoá	Hoạt động học thuật hay nghệ thuật không có thu nhập, hoạt động nghiên cứu chuyên môn về văn hoá hay kỹ nghệ độc đáo của Nhật, hay tu nghiệp về những môn đó do chuyên gia hướng dẫn (Ngoại trừ những hoạt động từ "Du học" đến "Tu nghiệp"). <<Nhà nghiên cứu văn hoá Nhật Bản...>>	3 năm, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng	×
Ở lại ngắn hạn	Hoạt động chỉ cần một thời gian ngắn ở Nhật như du lịch, điều trị, thể thao, thăm viếng bà con, tham quan, nghe giảng, tham dự họp mặt, gặp gỡ trong công việc và những hoạt động tương tự << Khách du lịch, người tham gia hội nghị...>>	Thời hạn tính theo đơn vị ngày trong vòng 90	×



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

▲ [B Tư cách lưu trú](#)

		ngày, 30 ngày hay 15 ngày	
Du học	<p>Hoạt động học tập tại các trường đại học, trường trung học chuyên môn, trường trung học phổ thông của Nhật (Bao gồm cả khóa học của học kỳ 2 của các trường trung học cơ sở), hoặc bộ phận trung học của trường hỗ trợ đặc biệt, trường trung học cơ sở (Bao gồm cả khóa học của học kỳ 1 của các trường trung học cơ sở), trường tiểu học hoặc bộ phận tiểu học của trường hỗ trợ đặc biệt, trường chuyên nghiệp, hoặc các loại trường hay các cơ quan giáo dục tương đương với các trường nêu trên về mặt thiết bị và cơ cấu tại Nhật.</p> <p><<Sinh viên học sinh các trường đại học, đại học ngắn hạn, trung học chuyên môn, trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở trường tiểu học v.v.>></p>	4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng	x
Tu nghiệp	<p>Hoạt động học tập tiếp thu kỹ thuật bằng cách được các cơ quan nhà nước, tư nhân của Nhật tiếp nhận (ngoại trừ những hoạt động được nêu ra ở mục “Thực tập kỹ năng số 1” và “Du học”</p> <p><<Tu nghiệp sinh>></p>	1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng	x
Ở lại với gia đình	<p>Hoạt động hằng ngày của vợ/ chồng hoặc con được nuôi dưỡng bởi người có tư cách lưu trú từ “Giảng dạy” đến “Hoạt động văn hoá” (ngoại trừ tư cách lưu trú “Thực tập kỹ năng), hoặc “Du học”</p> <p><<Vợ/chồng hoặc con của người nước ngoài đang lưu trú tại Nhật.v.v...>></p>	5 năm, 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng	x



Thông tin cuộc sống bằng nhiều thứ tiếng



B Tư cách lưu trú

[B Tư cách lưu trú](#)

(3) Tư cách lưu trú được quyết định có thể làm việc hay không tùy nội dung giấy phép của từng cá nhân (1 loại)

Tư cách lưu trú	Hoạt động được phép tại Nhật <<một số ví dụ về nghề nghiệp>>	Thời gian lưu trú	Lao động
Hoạt động đặc biệt	Hoạt động được Bộ trưởng Bộ tư pháp chỉ định đặc biệt đối với từng cá nhân người nước ngoài <<Người giúp việc của nhân viên ngoại giao v.v., người lao động theo chế độ Working-holiday, điều dưỡng, y tá bổ khuyết người nước ngoài dựa theo hiệp định đối tác kinh tế ...>>	5 năm, 4 năm, 3 năm, 2 năm, 1 năm, 6 tháng, 3 tháng hoặc thời gian không quá 1 năm mà Bộ trưởng Bộ tư pháp đã chỉ định cho từng cá nhân (Trong phạm vi không vượt quá 5 năm)	○

(4) Tư cách lưu trú dựa trên thành phần bản thân hay vị trí xã hội. (4 loại)

Tư cách lưu trú	Thành phần bản thân hay vị trí xã hội ở Nhật Bản	Thời gian lưu trú	Lao động
Người vĩnh trú	Người được Bộ trưởng Bộ tư pháp cho phép vĩnh trú <<Người được Bộ trưởng Bộ tư pháp cấp phép vĩnh trú (Ngoại trừ “người vĩnh trú đặc biệt” theo luật đặc lệ của cục nhập cảnh)>>	Vô thời hạn	◎
Vợ/chồng con của người Nhật	Vợ/chồng của người Nhật hay con nuôi đặc biệt theo qui định ở Điều 817, mục 2 của Luật dân sự (Luật pháp thứ 89 niên hiệu Minh Trị 29) hay là con ruột của người Nhật. <<Vợ/chồng, con ruột và con nuôi đặc biệt của người Nhật>>	3 năm hay 1 năm (Kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2012: 5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 6 tháng)	◎
Vợ/chồng ...của người vĩnh trú	Vợ/chồng của người có tư cách lưu trú là người vĩnh trú, hay người vĩnh trú đặc biệt theo qui định của Luật đặc lệ quản lý nhập cảnh đối với người đã khỏi ra quốc tịch liên quan đến điều ước hoà bình (sau đây gọi là những người vĩnh trú) hay là người đã sinh ra và tiếp tục lưu trú tại Nhật với tư cách là con của những người vĩnh trú. <<Vợ/chồng của người vĩnh trú, người vĩnh trú đặc biệt và con ruột của họ đã sinh ra và tiếp tục lưu trú tại Nhật>>	3 năm hay 1 năm (Kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2012: 5 năm, 3 năm, 1 năm hoặc 6 tháng)	◎
Người định trú	Người được phép ở lại trong một thời gian lưu trú nhất định do Bộ trưởng Bộ tư pháp xem xét lý do đặc biệt của người đó để cho phép. <<Người tị nạn định trú ở nước thứ Ba, Nhật kiều thế hệ thứ 3, người Nhật bị bỏ lại Trung Quốc sau chiến tranh .v.v...>>	5 năm, 3 năm, 1 năm 6 tháng hoặc thời gian không quá 5 năm mà Bộ trưởng Bộ tư pháp đã chỉ định cho từng cá nhân	◎

(Ghi chú) Nội dung biểu thị ở mục “Lao động”

- ◎: Không có hạn chế về lao động
- : Có thể lao động trong một phạm vi nhất định
- ×: Không được lao động

Nguồn: “ Bảng biểu tư cách lưu trú”, Bộ tư pháp Cục quản lý nhập cảnh

